

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 221/2017/DS-PT

Ngày: 08-9-2017

V/v tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất, vay tài
sản và nợ hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn PH

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh tham gia phiên tòa: Ông Lê
Thành Biên- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17/8/2017 và 08/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ L số: 85/2017/TLPT-DS
ngày 21 tháng 6 năm 2017, về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng
quyền sử dụng đất, vay tài sản và nợ hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2017/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm
2017 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 171/2017/QĐ-PT
ngày 14 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Chị Võ Thị Thanh T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: K, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Ấp 4, xã P, huyện C1, tỉnh Đồng Tháp.

3. Chị Nguyễn Thị Tuyết L1, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Khóm 4, phường 11, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

5. Bà Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Ấp T1, xã T2, thành phố C, Đồng Tháp.

6. Chị Trương Thị Bé U, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp H1, xã H2, thành phố C, Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn là anh Bùi Văn Vũ L2, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp 4, xã P1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 03/11/2015)

- Bị đơn: Chị Lê Thị Hồng C2, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Tổ 2, ấp T3, xã T4, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Phạm Thanh L3, sinh năm 1972; Địa chỉ: Đường B, phường G, quận 1, TP. Hồ Chí Minh; (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 02/8/2017).

- Người kháng cáo: Chị Lê Thị Hồng C2 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của các nguyên đơn:

+ Chị Võ Thị Thanh T trình bày: Ngày 19/10/2015, chị T có cho chị Lê Thị Hồng C2 mượn số tiền 70.000.000 đồng, không lãi suất, khi nào cần thì chị C2 trả lại nhưng chị có đòi nhiều lần nhưng chị C2 không trả.

+ Chị Nguyễn Thị Tuyết L1 trình bày: Ngày 19/10/2015, chị L1 có cho chị Lê Thị Hồng C2 mượn số tiền 88.000.000 đồng, không lãi suất, khi nào cần thì chị C2 trả lại nhưng chị có đòi nhiều lần nhưng chị C2 không trả.

+ Chị Nguyễn Thị L trình bày: Ngày 19/10/2015, chị L có cho chị Lê Thị Hồng C2 mượn số tiền 170.000.000 đồng, không lãi suất, khi nào cần thì chị C2 trả lại nhưng chị có đòi nhiều lần nhưng chị C2 không trả.

+ Chị Nguyễn Thị N trình bày: Ngày 19/10/2015, chị N có cho chị Lê Thị Hồng C2 mượn số tiền 8.485.000 đồng, không lãi suất, khi nào cần thì chị C2 trả lại nhưng chị có đòi nhiều lần nhưng chị C2 không trả.

+ Chị Nguyễn Thị Xuân H trình bày: Vào ngày 19/12/2007 và ngày 19/12/2008 chị H có cho chị Lê Thị Hồng C2 mượn tiền hai lần với các số tiền 30.000.000đ và 15.000.000đ có làm biên nhận nợ, không thời hạn, không lãi suất. Ngoài ra, chị C2 còn mượn thêm số tiền 6.5000.000 đồng không làm biên nhận và tham gia 07 dây hụi, chị C2 đã hót nhưng không đóng đầy đủ hiện còn nợ lại số tiền 37.015.000 đồng. Như vậy, tổng cộng chị C2 nợ chị H số tiền 88.515.000 đồng, hiện nay chị C2 chưa có trả cho chị.

+ Chị Trương Thị Bé U trình bày: Vào tháng 05/2009, chị U có cho chị Lê Thị Hồng C2 mượn số tiền 10.000.000 đồng. Đến tháng 07/2009 chị C2 tham gia hội và nợ chị U số tiền 30.000.000 đồng. Tổng cộng chị C2 nợ chị số tiền 40.000.000 đồng và hiện nay chị C2 chưa trả cho chị số tiền này.

Các nguyên đơn có đến đòi nhiều lần nên đến ngày 29/10/2015, chị C2 đồng ý chuyển nhượng phần đất diện tích 2.000 m² thuộc thửa 411, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại ấp T3, xã T4 do chị Lê Thị Hồng C2 đứng tên cho: Võ Thị Thanh T, Nguyễn Thị Tuyết L1, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Xuân H, Trương Thị Bé U để trừ nợ; việc thỏa thuận này được lập thành biên bản và thể hiện trên giấy nhận nợ. Hai bên thỏa thuận số tiền chuyển nhượng diện tích đất là 525.000.000 đồng. Số tiền chị C2 nợ 6 nguyên đơn xem như chị C2 đã nhận trước 465.000.000 đồng. Phần còn lại là 60.000.000 đồng hẹn đến ngày 30/10/2015 sau khi hoàn tất hồ sơ ra Phòng công chứng số 1 các nguyên đơn sẽ giao cho chị C2 nhưng chị C2 đã không thực hiện đúng theo thỏa thuận. Việc thỏa thuận chuyển nhượng đất chị C2 có ký tên trong biên bản hòa giải ngày 29/10/2015 tại Ban nhân dân ấp T3, xã T4, thành phố C. Sau đó, các đồng nguyên đơn có nhiều lần liên lạc với chị C2 để thực hiện theo thỏa thuận nhưng chị C2 cố tình né tránh. Đến ngày 02/11/2015, Ban nhân dân ấp tiến hành cuộc hòa giải thì chị C2 không đến dự đồng thời tắt luôn điện thoại không liên lạc được.

Do đó, các đồng nguyên đơn có đơn yêu cầu chị C2 tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất như đã thỏa thuận, các nguyên đơn đồng ý giao tiếp số tiền còn lại là 60.000.000 đồng cho chị C2.

Trường hợp chị C2 không thực hiện được theo hợp đồng chuyển nhượng thì các nguyên đơn yêu cầu chị C2 trả số tiền đã mượn và tiền nợ hội còn nợ cụ thể như sau:

- Trả cho chị T số tiền 70.000.000 đồng;
- Trả cho chị L1 số tiền 88.000.000 đồng;
- Trả cho chị L số tiền 170.000.000 đồng;
- Trả cho chị N số tiền 8.485.000 đồng;
- Trả cho chị H số tiền 88.515.000 đồng;
- Trả cho chị U số tiền 40.000.000 đồng.
- Bị đơn Lê Thị Hồng C2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến và không tham gia các phiên tòa xét xử sơ thẩm.
- *Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố C đã quyết định:*

Chấp nhận yêu cầu của Võ Thị Thanh T, Nguyễn Thị Tuyết L1, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L, Trương Thị Bé U, Nguyễn Thị Xuân H.

Buộc chị Lê Thị Hồng C2 có nghĩa vụ trả cho các nguyên đơn như sau:

- + Trả cho Võ Thị Thanh T số tiền 70.000.000 đồng;

- + Trả cho Nguyễn Thị Tuyết L1 số tiền 88.000.000 đồng;
- + Trả cho Nguyễn Thị L số tiền 170.000.000 đồng;
- + Trả cho Nguyễn Thị N số tiền 8.485.000 đồng;
- + Trả cho Nguyễn Thị Xuân H số tiền 88.515.000 đồng;
- + Trả cho Trương Thị Bé U số tiền 40.000.000 đồng.

Về lãi suất chậm trả: Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn nếu chị C2 chậm thực hiện nghĩa vụ của mình thì còn phải chịu lãi suất chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

Đình chỉ một phần yêu cầu của các nguyên đơn đối với yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng với Lê Thị Hồng C2.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho các N đơn, trả lại các tài liệu có liên quan cho nguyên đơn nếu có yêu cầu.

Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Các nguyên đơn tự nguyện chịu số tiền 3.503.894 đồng (Đã tạm ứng và chi xong).

Về án phí:

- Trả lại cho Võ Thị Thanh T, Nguyễn Thị Tuyết L1, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L, Trương Thị Bé U, Nguyễn Thị Xuân H số tiền tạm ứng án phí yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu số 039984 ngày 28/01/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Trả lại cho các nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí về yêu cầu trả tiền đã nộp như sau:

+ Trả cho Võ Thị Thanh T số tiền 1.750.000 đồng theo biên lai thu số 08397 ngày 04/05/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

+ Trả cho Nguyễn Thị Tuyết L1 số tiền 2.200.000 đồng theo biên lai thu số 08394 ngày 04/05/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

+ Trả cho Nguyễn Thị L số tiền 4.250.000 đồng theo biên lai thu số 08395 ngày 04/05/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

+ Trả cho Nguyễn Thị N số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 08396 ngày 04/05/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

+ Trả cho Nguyễn Thị Xuân H số tiền 2.213.000 đồng theo biên lai thu số 08399 ngày 04/05/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

+ Trả cho Trương Thị Bé U số tiền 1.000.000 đồng theo biên lai thu số 08398 ngày 04/05/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Chị Lê Thị Hồng C2 phải chịu số tiền 22.600.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án.

- Ngày 30/5/2017, bị đơn Lê Thị Hồng C2 kháng cáo bản án sơ thẩm. Với L do:

1. Chị C2 cho rằng chị không nhận được giấy triệu tập hòa giải cũng như quyết định xét xử do Tòa án tổng đạt. Tòa án xét xử vắng mặt chị nên chị không bảo vệ được quyền và lợi chính đáng cho chị. Vì vậy, Tòa sơ thẩm tuyên theo biên nhận mượn tiền do bên nguyên đơn cung cấp, trong khi biên nhận nợ có tính gộp cả tiền vốn và lãi cao bắt buộc chị ký tên trong trạng thái bị áp lực về tinh thần.

2. Yêu cầu cấp phúc thẩm cho chị thương lượng với các nguyên đơn để được giảm bớt 40% số nợ như các N đơn đã đồng ý tại Công an thành phố C. Yêu cầu được trả nợ gốc cho chị T 42.000.000đ; L1 53.000.000đ; L 102.000.000đ; N 5.000.000đ; H 50.000.000đ; U 24.000.000đ.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Chị Lê Thị Hồng C2 ủy quyền cho ông Phạm Thanh L3 trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu: Hủy án sơ thẩm với lý do:

Việc chị C2 ký tên vào tờ thỏa thuận chuyển nhượng đất và xác nhận nợ là do bị ép buộc nhưng bị đơn chưa có chứng cứ để chứng minh;

Tòa án sơ thẩm thụ lý hồ sơ vụ án khi chưa đủ điều kiện khởi kiện (vì theo biên bản thỏa thuận thời gian trả nợ là đến khi bán được nhà và đất);

Việc các nguyên đơn khởi kiện tập thể là vi phạm thủ tục tố tụng vì các N đơn là cá nhân không phải tổ chức.

+ Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn là anh Bùi Văn Vũ L2 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định việc chị C2 cho rằng các nguyên đơn khi làm việc tại Công an thành phố C đồng ý giảm bớt cho chị C2 40% là không có thật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh ý kiến về vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý xem xét giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và giữ N quyết định của bản án sơ thẩm vì người kháng cáo không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của các nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn là chị Lê Thị Hồng C2 về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, trong quá trình xem xét giải quyết thì nhận thấy việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng đất xuất phát từ việc vay tài sản và nợ hui. Do đó, các nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ đối với việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và xem xét đối với hợp đồng vay tài sản và nợ hui là phù hợp với quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét lý do kháng cáo của bị đơn là chị Lê Thị Hồng C2 được thể hiện trong đơn kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã không tổng đạt thông báo hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử nên chị C2 không bảo vệ được quyền lợi của mình. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã triệu tập hợp lệ đối với chị C2 và Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Chị C2 không có chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Còn việc người nhận ủy quyền của chị C2 tại phiên tòa hôm nay lại nêu lý do kháng cáo về tố tụng là do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng về điều kiện thụ lý. Hội đồng xét xử xét thấy, lý do nêu ra của người nhận ủy quyền cho chị C2 là vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu của người kháng cáo theo quy định tại khoản 2 điều 284 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của chị Lê Thị Hồng C2 yêu cầu cấp phúc thẩm cho chị C2 và các nguyên đơn thương lượng với nhau về việc các nguyên đơn đã thống nhất giảm 40% số nợ cho chị C2 tại Công an thành phố C. Tuy nhiên, lý do kháng cáo của chị C2 đã không được các nguyên đơn thừa nhận và chị C2 cũng không có chứng cứ để chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị C2 về nội dung vụ án.

Bởi lẽ, căn cứ vào Biên bản lấy lời khai của chị C2 tại Cơ quan điều tra ngày 14/12/2015 và ngày 25/11/2015, Biên bản lấy lời khai của các nguyên đơn tại Cơ quan điều tra thể hiện số tiền chị C2 còn thiếu các nguyên đơn như yêu cầu của nguyên đơn. Mặt khác, chị C2 cũng thừa nhận còn nợ tiền của các nguyên đơn như yêu cầu của nguyên đơn và có hứa trả nhưng đến nay không có chứng cứ nào thể hiện đã trả nợ xong cho các nguyên đơn. Trong các biên bản lấy lời khai cũng không thể hiện việc có sự thỏa thuận của các nguyên với chị C2 giảm cho chị C2 40% số tiền chị còn nợ. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn cũng không thừa nhận việc các nguyên đơn đồng ý giảm 40% số tiền nợ cho chị C2

và chị C2 cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy yêu cầu kháng cáo của chị C2 là không có căn cứ để chấp nhận nên giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có phù hợp;

Về án phí: Chị C2 kháng cáo nhưng yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, nên phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357; 463, 466; 468; 471 Bộ luật dân sự; Điều 48-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị Hồng C2.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của Võ Thị Thanh T, Nguyễn Thị Tuyết L1, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L, Trương Thị Bé U và Nguyễn Thị Xuân H.

- Buộc chị Lê Thị Hồng C2 có nghĩa vụ trả cho các nguyên đơn cụ thể như sau:

+ Trả cho Võ Thị Thanh T số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

+ Trả cho Nguyễn Thị Tuyết L1 số tiền 88.000.000 đồng (tám mươi tám triệu đồng).

+ Trả cho Nguyễn Thị L số tiền 170.000.000 đồng (một trăm bảy chục triệu đồng).

+ Trả cho Nguyễn Thị N số tiền 8.485.000 đồng (tám triệu bốn trăm tám mươi lăm ngàn đồng).

+ Trả cho Nguyễn Thị Xuân H số tiền 88.515.000 đồng (tám mươi tám triệu năm trăm mười lăm ngàn đồng).

+ Trả cho Trương Thị Bé U số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Về lãi suất chậm trả: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành

án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

- Đình chỉ một phần yêu cầu của các nguyên đơn đối với yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng với Lê Thị Hồng C2.

3. Về án phí

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho Võ Thị Thanh T, Nguyễn Thị Tuyết L1, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L, Trương Thị Bé U, Nguyễn Thị Xuân H số tiền tạm ứng án phí yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu số 039984 ngày 28/01/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Do yêu cầu của các đơn được chấp nhận nên các nguyên đơn còn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp, cụ thể như sau:

+ Trả cho Võ Thị Thanh T số tiền 1.750.000 đồng theo biên lai thu số 08397 ngày 04/05/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

+ Trả cho Nguyễn Thị Tuyết L1 số tiền 2.200.000 đồng theo biên lai thu số 08394 ngày 04/05/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

+ Trả cho Nguyễn Thị L số tiền 4.250.000 đồng theo biên lai thu số 08395 ngày 04/05/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

+ Trả cho Nguyễn Thị N số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 08396 ngày 04/05/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

+ Trả cho Nguyễn Thị Xuân H số tiền 2.213.000 đồng theo biên lai thu số 08399 ngày 04/05/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

+ Trả cho Trương Thị Bé U số tiền 1.000.000 đồng theo biên lai thu số 08398 ngày 04/05/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Lê Thị Hồng C2 phải chịu số tiền 22.600.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Lê Thị Hồng C2 phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 10469 ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

4. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Các nguyên đơn tự nguyện chịu số tiền 3.503.894 đồng (Đã tạm ứng và chi xong).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND TP. C;
- Chi cục THADS TP. C;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Võ Trinh